

Biểu phí Tài Trợ Thương Mại áp dụng cho Khách hàng Doanh nghiệp

Hiệu lực từ 18.08.2023

I. Nhờ thu

Phí	Chi tiết	Mức phí
Nhờ thu đi	Phí phát hành Thông báo Nhờ thu	10 USD
	Phí phát hành Thông báo sửa đổi Nhờ thu	10 USD
	Phí tra soát theo yêu cầu Khách hàng	10 USD
	Phí ký hậu vận đơn/Ủy quyền nhận hàng	10 USD
	Phí chuyển tiếp Bộ chứng từ (BCT)	10 USD
	Phát Thông báo thanh toán Nhờ thu	25 USD
	Phí thanh toán BCT	0,20% x GT BCT, Min 25 USD
	Phí hủy Nhờ thu/Trả CT bị từ chối	25 USD
Nhờ thu đến	Phí nhận và xử lý BCT	10 USD
	Phí tra soát theo yêu cầu Khách hàng	10 USD
	Phí sửa đổi chỉ dẫn đòi tiền	10 USD
	Phí hủy/thu hồi Nhờ thu	10 USD
	Phí thanh toán	0,15% x GT BCT, Min 25 USD

II. LC nhập khẩu/ LC nội địa gửi đi

Phí	LC nhập khẩu	LC nội địa cho bên mua
Phí phát hành LC sơ bộ	50 USD	500.000 VND
Phí phát hành LC chính thức	0,075%-1,5%/365 x Giá trị x Số ngày hiệu lực, Min 25 USD	0,075%-1,5%/365 x Giá trị x Số ngày hiệu lực, Min 500.000 VND
Phí sửa đổi LC	Bằng mức phí phát hành LC; Min 25 USD	Bằng mức phí phát hành LC, Min 500.000 VND
Phí hủy LC	25 USD	500.000 VND
Phí ký hậu vận đơn/ Ủy quyền nhận hàng	10 USD	200.000 VND
Phí kiểm tra và thông báo bộ chứng từ (BCT)	25 USD	500.000 VND
Phí tra soát theo yêu cầu Khách hàng	10 USD	200.000 VND
Phí hoàn trả BCT	25 USD	500.000 VND
Phí sai biệt chứng từ	100 USD	1.000.000 VND
Phí phát hành thư bồi hoàn/ BL nhận hàng	50 USD	1.000.000 VND
Phí sửa đổi thư bồi hoàn/ BL nhận hàng	25 USD	500.000 VND
Phí thông báo thanh toán	25 USD	500.000 VND
Phí chấp nhận thanh toán HP trả chậm	1,5%/365 x GT BCT x số ngày trả chậm, Min 25 USD	1,5%/365 x GT BCT x số ngày trả chậm, Min 500.000 VND
Phí thanh toán	0,2% x GT BCT , Min 25 USD	0,2% x GT BCT, Min 500.000 VND

Phí
Phí xác nhận LC
Phí xác nhận sửa đổi LC
Phí ngân hàng đầu mối

LC nhập khẩu	LC nội địa cho bên mua
Theo NH xác nhận	Theo NH xác nhận
Theo NH xác nhận	Theo NH xác nhận
50 USD	1.000.000 VND

III. LC xuất khẩu và LC nội địa nhận được

Phí
Phí thông báo LC
Phí thông báo sửa đổi LC
Phí thông báo hủy LC
Phí xử lý/ kiểm tra BCT
Phí lập BCT theo LC theo yêu cầu KH
Phí tra soát theo yêu cầu Khách hàng
Phí xử lý hoàn trả và thu hồi BCT
Phí sửa đổi thư đòi tiền theo yêu cầu KH
Phí thanh toán LC
Phí chuyển nhượng LC
Phí xác nhận LC

LC xuất khẩu	LC nội địa cho bên bán
Tới KH: 25 USD Tới Ngân hàng khác: 50 USD	Tới KH: 500.000 VND Tới NH khác: 1.000.000 VND
25 USD	500.000 VND
25 USD	500.000 VND
25 USD	500.000 VND
0,15% x GT BCT, Min 25 USD	0,15% x GT BCT, Min 500.000 VND
10 USD	200.000 VND
10 USD	200.000 VND
10 USD	200.000 VND
0,15% x GT BCT, Min 25 USD	0.15% x GT BCT, Min 500.000 VND
0,1% x Giá trị chuyển nhượng, Min 50 USD	0,1% x Giá trị chuyển nhượng, Min 1.000.000 VND
2%/365 x GTLC x số ngày hiệu lực Min 50 USD	2%/365 x GTLC x số ngày hiệu lực Min 1.000.000 VND

Lưu ý:

1. Các mức phí quy định trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). VIB sẽ tính thuế VAT đối với các khoản mục phí thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo quy định pháp luật hiện hành.
2. Phí được tính bằng VND hoặc ngoại tệ tương đương theo tỷ giá do VIB công bố tại thời điểm thu phí.
3. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định Quản lý ngoại hối hiện hành của Việt Nam và quy định nội bộ của VIB.
4. Các chi phí thực tế khác như thuế, phí của ngân hàng khác tham gia vào dịch vụ, bưu phí, điện phí (Swift, Telex, Fax...), các chi phí khác phải trả cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ (nếu có) sẽ được thu thêm theo thực chi hoặc theo quy định tại Biểu phí, trừ trường hợp có quy định khác.
5. Trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không được thực hiện vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của VIB gây ra, VIB không hoàn lại phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu.
6. Biểu phí này được phép thay đổi mà không cần có sự báo trước của VIB, trừ khi VIB và khách hàng có thoả thuận khác.
7. Các nội dung khác được quy định theo hướng dẫn của VIB trong từng thời kỳ.